THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2044/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Tiếp tục xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng, tạo môi trường thu hút các nhà đầu tư trong tỉnh, trong nước và từ nước ngoài vào đầu tư trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích và tạo môi trường thuận lợi cho khu vực doanh nghiệp phát triển, coi các doanh nghiệp là lực lượng chính thúc đẩy sự phát triển của toàn nền kinh tế.

2. Phát huy hơn nữa lợi thế về vị trí địa lý, nguồn lực và các tiềm năng tại chỗ trong quan hệ hợp tác với bên ngoài: tạo sự hợp tác chặt chẽ giữa nền kinh tế Tây Ninh với cả nước, trước hết là với vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế trước hết là với các nước trong khu vực nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước, phát triển thị trường. Tận dụng và phát triển mạnh kinh tế cửa khẩu, đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ, nâng cao hiệu quả, tính cạnh tranh của sản phẩm và phát triển xuất khẩu.

3. Cùng với cả nước và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực, tham gia vào quá trình phân công lao động quốc tế và khu vực; chú trọng đầu tư chiều sâu, tăng cường đầu tư nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển mạnh các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có tiềm năng và lợi thế, nâng cao năng lực cạnh tranh theo phương châm hướng tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa; từng bước hình thành các khu, cụm công nghiệp làm hạt nhân cho phát triển mạng lưới đô thị, và tạo ra hệ thống tổ chức không gian lãnh thổ hài hòa, bền vững; xây dựng một nền nông, lâm nghiệp hàng hóa có hàm lượng công nghệ cao theo hướng đa dạng hóa gắn kết với bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Kết hợp đồng bộ giữa phát triển sản xuất với phát triển kết cấu hạ tầng trên các vùng, kể cả nông thôn và vùng sâu, vùng xa; hình thành hệ thống điểm dân cư kiểu đô thị với các thị trấn, thị tứ, các trung tâm dịch vụ, thương mại theo hướng công nghiệp hóa, đô thị hóa với quy mô nhỏ và vừa, thích hợp với từng huyện.

5. Phát triển kinh tế bền vững trên cơ sở gắn tăng trưởng kinh tế với bảo đảm thực hiện công bằng, tiến bộ xã hội; nâng cao đời sống vật chất, đời sống văn hóa của nhân dân, giảm dần sự chênh lệch giữa vùng nông thôn với vùng đô thị, tạo ra sự phát triển hài hòa giữa các vùng; tạo việc làm cho người lao động, chuyển dần lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ.

6. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, cùng với việc đưa nhanh các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất coi đây như là một nhân tố quyết định đến sự phát triển kinh tế của tỉnh; bảo vệ, tái sinh và làm giàu tài nguyên rừng, đất đai, nguồn nước, bảo vệ môi trường.

7. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố an ninh quốc phòng, xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Xây dựng các chính sách và định chế đặc thù, linh hoạt cho vùng biên giới, cửa khẩu của tỉnh nhằm đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Tây Ninh cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp vào năm 2020 với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối hiện đại và đồng bộ, gắn liền với sự phát triển kết cấu hạ tầng của Vùng đô thị thành phố Hồ Chí Minh và toàn Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Nâng cao tiềm lực và sức cạnh tranh của toàn nền kinh tế, hội nhập thành công, nắm bắt những cơ hội thuận lợi do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại nhằm phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, tạo chuyển biến mạnh về tốc độ phát triển, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; không ngừng cải thiện nâng cao đời sống nhân dân; giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; tạo tiền đề để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm thực hiện thành công mục tiêu đề ra.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 15,0 - 15,5%. Trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 5,5 - 6,0%, công nghiệp và xây dựng tăng bình quân khoảng 20,0 - 21,0%, khu vực dịch vụ khoảng 14,7 - 15,2%. Cụ thể từng giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 2011 - 2015

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 14,5 - 15%. Trong đó, nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 6 - 6,2%, công nghiệp và xây dựng tăng bình quân khoảng 21 - 21,5%, khu vực dịch vụ khoảng 14,5 - 15%.

Cơ cấu kinh tế vào năm 2015 theo giá hiện hành dự kiến: nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 26 - 26,5%, công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 36,5 - 37%, khu vực dịch vụ chiếm khoảng 36,5 - 37%. Nếu tính theo giá so sánh 1994, cơ cấu kinh tế vào năm 2015 dự kiến như sau: nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 19 - 19,5%, công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 36 - 36,5%, khu vực dịch vụ chiếm khoảng 44,5 - 45%.

GDP bình quân đầu người tính theo giá hiện hành đạt 2.852 USD/người năm 2015, nếu tính theo giá so sánh 1994 là 1.983 USD/người.

- Giai đoạn 2016 - 2020

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 15,5 - 16%. Trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 5,5 - 6%, công nghiệp và xây dựng tăng bình quân khoảng 20,5 - 21%, khu vực dịch vụ khoảng 15 - 15,5%.

Cơ cấu kinh tế vào năm 2020, dự kiến: nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 15 - 15,5%, công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 45 - 45,5%, khu vực dịch vụ chiếm khoảng 39 - 39,5%. Nếu tính theo giá so sánh 1994, cơ cấu kinh tế vào năm 2020 dự kiến như sau: nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 11 - 12%, công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 44,5 - 45%, khu vực dịch vụ chiếm khoảng 43 - 43,5%.

GDP bình quân đầu người tính theo giá thực tế đạt 4.800 USD/người năm 2020, nếu tính theo giá so sánh 1994 là 3.700 USD/người.

Giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm đạt 23 - 25% vào giai đoạn 2011 - 2020.

Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách phấn đấu đạt khoảng 10 - 12% vào năm 2020.

Huy động đầu tư phát triển giai đoạn 2016 - 2020, phấn đấu đạt trên 40% GDP.

b) Về xã hội

- Giai đoạn 2011 - 2015

Phấn đấu đạt tỷ lệ lao động qua đào tạo và dạy nghề đạt khoảng 60% năm 2015. Giải quyết việc làm khoảng 18.000 - 19.000 lao động mỗi năm.

Phấn đấu đạt tỷ lệ 100% trẻ em đến 6 tuổi vào lớp 1 năm 2015.

Phấn đấu đến năm 2015 có trên 99% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia.

- Giai đoạn 2016 - 2020

Phấn đấu đạt tỷ lệ lao động qua đào tạo và dạy nghề đạt khoảng 70% vào năm 2020. Tạo điều kiện giải quyết việc làm khoảng 18.000 - 19.000 lao động mỗi năm trong giai đoạn 2016 - 2020, giải quyết cơ bản vấn đề lao động và giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực đô thị khoảng dưới 3,5%.

Phấn đấu hoàn thành phổ cập bậc trung học trước năm 2020.

Hạn chế tốc độ gia tăng dân số, đạt tỷ lệ sinh thay thế vào vào năm 2020.

Phấn đấu đến năm 2020 đạt 100% số hộ dân được sử dụng điện.

c) Về môi trường

Tỷ lệ che phủ tự nhiên thời kỳ 2010 - 2020 đạt trên 40%.

Năm 2020, toàn bộ các thị xã, thị trấn có công trình thu gom, xử lý chất thải tập trung, 100% số cơ sở sản xuất mới xây dựng có công trình xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường hoặc áp dụng công nghệ sạch, số cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường đạt trên 80% năm 2015 và 90% năm 2020.

Đến năm 2020, 100% dân cư thành thị và nông thôn được dùng nước sạch hợp vệ sinh.

d) Quốc phòng an ninh

Bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, ổn định chính trị, kiềm chế sự gia tăng, giảm dần các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ CÁC SẢN PHẨM CHỦ LỰC

1. Công nghiệp

- Phát triển nhanh và vững chắc các ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp làm động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp bổ trợ bao gồm cơ khí chế tạo, điện tử - viễn thông - tin học, công nghiệp hóa chất dược phẩm, chế biến lương thực, thực phẩm có giá trị gia tăng cao. Đến năm 2020 về cơ bản Tây Ninh có một nền công nghiệp bền vững với cơ cấu hợp lý, phù hợp với điều kiện và tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 đạt 21 - 22%, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 20 - 21%.

- Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ yếu sau: (1) Khai thác và chế biến khoáng sản; (2) Chế biến lương thực, thực phẩm; (3) Chế biến gỗ, giấy; (4) Sản xuất vật liệu xây dựng; (5) Hóa chất, dược phẩm; (6) Dệt may, da giày; (7) Cơ khí, gia công kim loại; (8) Sản xuất và phân phối điện nước.

- Phát triển các khu công nghiệp tập trung, gắn sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp với sự phát triển của hệ thống đô thị, dịch vụ; chú trọng hình thành khu nhà ở công nhân trong hệ thống đô thị ven khu, cụm công nghiệp. Quỹ đất khu, cụm, điểm công nghiệp đến năm 2020 là 10.000 ha. Quy mô, địa điểm các khu, cụm công nghiệp sẽ được cụ thể trong quy hoạch tổng thể phát triển các khu, cụm công nghiệp của tỉnh.

- Đẩy mạnh việc đầu tư tăng cường năng lực của các cơ sở, doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây dựng theo hướng hiện đại hóa từ thiết kế đến thi công cả về nguồn nhân lực, trang thiết bị nhằm đảm đương được những công trình, dự án lớn trong các hoạt động kinh tế xã hội.

Tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho việc thành lập và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các doanh nghiệp xây dựng.

Hoàn thiện hơn nữa môi trường pháp lý, môi trường đầu tư và các hoạt động trợ giúp cho các doanh nghiệp ngành xây dựng phát triển.

Xây dựng lực lượng ngành xây dựng đủ mạnh để có thể giải quyết cơ bản nhu cầu xây dựng trong tỉnh và tiến tới tham gia các hoạt động xây dựng ngoài tỉnh và hợp tác quốc tế.

2. Dịch vụ

Phát triển các ngành dịch vụ với tốc độ nhanh và chất lượng cao, bảo đảm sự phát triển toàn diện và bền vững. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ bình quân hàng năm giai đoạn 2011 - 2015 đạt khoảng 14,5 - 15%, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 15 - 15,5%.

Phát triển các ngành dịch vụ chủ yếu:

- Phát triển thương mại theo hướng hình thành các trung tâm thương mại ở đô thị, các cụm thương mại ở nông thôn, hệ thống chợ, siêu thị. Tập trung phát triển khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, Xa Mát, trung tâm thương mại thị xã, Hòa Thành, Gò Dầu. Hoàn thiện mạng lưới chợ, nhất là chợ đầu mối, chợ cửa khẩu, chợ biên giới, siêu thị tại đô thị. Về xuất khẩu, tập trung khai thác, sản xuất các mặt hàng xuất khẩu có giá trị kinh tế cao, tăng sản lượng chế biến trong sản phẩm, hạn chế xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô. Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp khảo sát thị trường, tham gia hội chợ triển lãm. Phát triển mậu dịch biên giới giữa Tây Ninh và Campuchia;

- Về du lịch, tập trung đầu tư phát triển du lịch với các loại hình du lịch sinh thái gắn với di tích lịch sử văn hóa, các làng nghề truyền thống của tỉnh. Chú trọng xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo mang phong cách riêng của Tây Ninh. Tập trung cải tạo, nâng cấp và khai thác các điểm du lịch như khu căn cứ Trung ương Cục, điểm núi Bà Đen, Tòa Thánh Tây Ninh, hồ nước Dầu Tiếng, khu công viên vui chơi giải trí, khu công viên sinh thái rừng, khu trung tâm dịch vụ thương mại, thể thao, khách sạn, nhà hàng... để đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và nâng cao chất lượng phục vụ nhu cầu du lịch của du khách đến Tây Ninh;

- Phát triển các hoạt động tài chính, ngân hàng, tín dụng gắn với phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nghiên cứu thành lập và quản lý tốt hoạt động của các quỹ như Quỹ Bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Đầu tư mạo hiểm, Quỹ Bảo trợ xã hội. Phát triển các hoạt động kinh doanh, môi giới tài chính, bảo hiểm, hình thành các công ty tài chính;

- Bưu chính viễn thông: phát triển cơ sở hạ tầng thông tin có công nghệ hiện đại ngang tầm với các nước phát triển trong khu vực, phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của người dân trong tỉnh với chất lượng dịch vụ ngày càng cao.

3. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

- Nông nghiệp

+ Phát triển nền nông nghiệp toàn diện và bền vững. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu nội bộ ngành theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi; thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với thị trường.

Sử dụng hợp lý nguồn đất, tăng độ phì của đất, thực hiện đa canh, đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao giá trị trên một đơn vị sản lượng cũng như trên một đơn vị diện tích. Trên cơ sở thị trường, những điều kiện về tự nhiên, tập quán canh tác... Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, chuyên môn hóa. Tăng nhanh các cây công nghiệp phục vụ xuất khẩu, phát triển sản xuất rau quả phục vụ cho nhu cầu trong tỉnh, cho các khu vực đô thị của tỉnh và trong vùng đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh, ổn định diện tích cao su. Có biện pháp duy trì, ổn định phát triển vùng nguyên liệu mía... Thực hiện thâm canh trên diện tích đất nông nghiệp hiện có.

+ Chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi trên cơ sở khuyến khích phát triển nhiều cơ sở (trang trại) chăn nuôi tạo ra tổng đàn gia súc, gia cầm có quy mô lớn. Đa dạng hóa sản phẩm chăn nuôi phục vụ cho nhu cầu trong tỉnh, cho các khu vực đô thị của tỉnh và trong vùng đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh tạo cơ sở nguyên liệu cho công nghiệp chế biến các sản phẩm chăn nuôi phát triển.

+ Phát triển nền nông nghiệp với nhiều thành phần kinh tế. Khuyến khích mạnh mẽ kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác và hợp tác xã, coi hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất nông nghiệp. Thành phần kinh tế nhà nước cần tập trung vào việc sản xuất và cung ứng các loại giống cây trồng, vật nuôi, nghiên cứu ứng dụng, đổi mới kỹ thuật (hay rộng hơn là công nghệ) canh tác trong nông nghiệp. Kinh tế tập thể được khuyến khích phát triển nhằm tăng cường vai trò của những nhóm hộ nông dân trong khuôn khổ của những thay đổi về tổ chức hợp tác xã nông nghiệp cho phù hợp với tình hình mới của nền kinh tế thị trường. Khuyến khích các mô hình kinh tế trang trại, kinh tế hộ có quy mô lớn.

+ Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật và các công nghệ mới vào sản xuất, sử dụng các loại giống mới năng suất cao, thâm canh tăng vụ; tập trung xây dựng hệ thống thủy lợi, kiên cố hóa 100% hệ thống kênh mương, đảm bảo chủ động tưới tiêu. Nghiên

cứu giải pháp hình thành khu nông nghiệp công nghệ cao nhằm cung cấp các sản phẩm chất lượng cao, kỹ thuật công nghệ hiện đại phục vụ nhu cầu trong tỉnh và trong vùng.

Thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, gắn phát triển nông nghiệp với thị trường và với sự phát triển của các lĩnh vực, các ngành kinh tế khác, đặc biệt là với công nghiệp chế biến.

Cùng với sự chuyển đổi cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp, cần thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ.

- Lâm nghiệp

Sử dụng hợp lý, hiệu quả Quỹ đất dành cho lâm nghiệp khoảng 70.000 ha, trong đó đất rừng 57.000 ha. Từng bước tạo mới rừng tự nhiên bằng các giải pháp khoanh nuôi và bảo vệ, đồng thời tăng vốn rừng bằng các loại cây đáp ứng nhu cầu sử dụng lâm sản cũng như nhu cầu phòng hộ. Bảo tồn và đa dạng hóa sinh học, ngăn chặn sự diệt vong của các loài, nhóm loài, quần thể thực động vật ở các vùng sinh thái. Bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái quý hiếm, tính đa dạng sinh học tạo tiềm năng cho phát triển du lịch.

- Thủy sản

Sự phát triển ngành thủy sản phải bảo đảm những yêu cầu về bảo vệ môi trường nước, nguồn tài nguyên quý giá cho sự phát triển sản xuất và sinh hoạt của dân cư trong tỉnh và của các tỉnh, thành phố khác liên quan. Sử dụng hợp lý các vùng nước mặt: hồ Dầu Tiếng, các hệ thống sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ để phát triển thủy sản với quy mô vừa và nhỏ.

4. Các lĩnh vực xã hội

- Phát triển giáo dục đào tạo theo hướng hiện đại hóa và chuẩn hóa giao dục, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; tập trung cơ sở vật chất, hoàn thành kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; tăng cường đào tạo và nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục ở các bậc học, duy trì thành quả phổ cập tiểu học và trung học cơ sở. Đến năm 2015, hoàn thành phổ cập trung học phổ thông; triển khai phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi. Thực hiện các đề án dạy nghề cho lao động nông thôn. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% vào năm 2020.

- Thực hiện công bằng trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân; bảo đảm cho mọi người dân đều được khám, chữa bệnh ban đầu và cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản. Đa dạng hóa và không ngừng nâng cao chất lượng các loại hình khám,

chữa bệnh, phát triển dịch vụ y tế theo yêu cầu, tiến tới quản lý sức khỏe đến từng hộ gia đình. Đến năm 2010, các trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Xây dựng các bệnh viện và trung tâm y tế, cung cấp các dịch vụ phòng bệnh, khám, chữa bệnh chất lượng cao.

- Phát triển các hoạt động văn hóa thông tin hài hòa giữa việc thực hiện nhiệm vụ thông tin tuyên truyền, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin và các phương tiện vui chơi giải trí, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa - tinh thần của nhân dân; thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao. Thực hiện công tác bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử và các giá trị di sản văn hóa dân tộc trên địa bàn.

Bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người, xây dựng lối sống lành mạnh trong nhân dân bằng việc đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao. Phát triển phong trào thể dục thể thao quần chúng trên cơ sở đẩy mạnh xã hội hóa. Đầu tư phát triển có trọng điểm một số môn thể thao thế mạnh của tỉnh để đạt thành tích cao.

- Phát triển khoa học công nghệ theo hướng: đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ sinh học, công nghệ chế biến và công nghệ thông tin, tăng cường năng lực khoa học công nghệ trong điều tra khảo sát và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng các hệ thống quản lý tiên tiến....

- Về bảo vệ môi trường phát triển bền vững, xây dựng các nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp, trạm xử lý nước thải. Lựa chọn công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện địa phương. Tăng cường thanh tra giám sát các nguồn thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp, du lịch.

5. Phát triển kết cấu hạ tầng

- Phát triển hệ thống giao thông, là động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Phát huy tối đa về lợi thế địa lý của tỉnh với các quốc lộ 22, 14 và 14C, tuyến đường sắt nhẹ từ thành phố Hồ Chí Minh đến Mộc Bài, phát triển hệ thống giao thông vận tải đối ngoại như hệ thống giao thông đường bộ (trong đó chú ý các tuyến đấu nối tạo điều kiện khai thác biên mậu với nước bạn Campuchia), phát triển giao thông đường sông, ở các vùng trọng điểm kinh tế như các khu công nghiệp, các vùng sản xuất hàng hóa. Đến năm 2020, cơ bản ổn định hệ thống hạ tầng giao thông.

- Thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả tưới tiêu và tiết kiệm nguồn nước bằng công tác kiên cố hóa toàn bộ các hệ thống kênh tưới cấp I, II, III, bổ sung thêm kênh nội đồng và mặt ruộng. Xây dựng hệ thống kênh tiêu đồng bộ với kênh tưới, các kênh tiêu úng trong mùa mưa và phục vụ công tác cải tạo đất. Tiếp tục đầu tư các dự án: Tiểu dự án Dầu Tiếng (dự án hiện đại hóa thủy lợi Dầu Tiếng Tây Ninh VWRAP), tiểu dự án khu tưới Tân Biên thuộc thủy lợi Phước Hòa, đê bao chống lũ

ven sông Vàm Cỏ, các hệ thống kênh tiêu, trạm bơm thuộc các huyện Trảng Bàng, Bến Cầu, Châu Thành.

- Đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng điện để phát triển kinh tế của địa phương với chất lượng cao và dịch vụ ngày càng tốt hơn. Hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, đảm bảo cung cấp điện liên tục, ổn định, giảm sự cố, giảm tổn thất điện năng.

Tiếp tục mở rộng các nhà máy cấp nước hiện có, đồng thời xây dựng mới một số hệ thống cấp nước. Tập trung đầu tư cho hệ thống thoát nước tại các đô thị, xây dựng hệ thống và các trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn quốc gia. Các khu công nghiệp tập trung cần xây dựng các trạm xử lý theo đặc thù của từng khu.

IV. TỔ CHỨC KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

1. Phát triển các vùng kinh tế - xã hội

- Vùng phía Bắc tỉnh

Vùng phía Bắc tỉnh bao gồm các huyện Tân Châu, Tân Biên, Dương Minh Châu và Châu Thành dự kiến phát triển vùng bảo tồn vốn rừng; phát triển nông nghiệp theo hướng hình thành vùng các cây công nghiệp tập trung; phát triển du lịch; phát triển kinh tế cửa khẩu với quy mô hợp lý và hình thành các cụm công nghiệp quy mô vừa, hợp lý gắn với việc bố trí lại dân cư.

- Vùng Trung tâm

Vùng Trung tâm bao gồm thị xã Tây Ninh và huyện Hòa Thành dự kiến phát triển để vùng trở thành trung tâm chính trị kinh tế, xã hội của tỉnh với hạt nhân là thị xã Tây Ninh (hướng phát triển lên quy mô thành phố trực thuộc); phát triển dịch vụ dịch vụ thương mại, bưu chính - viễn thông, tài chính ngân hàng, du lịch... Hình thành và phát triển của các cụm công nghiệp sạch, chất lượng cao, làng nghề tiểu, thủ công nghiệp; phát triển các công nghiệp với việc hình thành các khu đô thị và các trung tâm thương mại và dịch vụ hiện đại.

- Vùng phía Nam tỉnh

Vùng phía Nam bao gồm huyện Trảng Bàng, Gò Dầu và Bến Cầu dự kiến phát triển các khu, cụm công nghiệp; phát triển nhanh dịch vụ thương mại. Phát triển các ngành công nghiệp dịch vụ, công nghiệp hướng về xuất khẩu hướng tới khai thác thị trường Campuchia, thị trường Thái Lan... Phát triển nông nghiệp sinh thái bền vững; hình thành các điểm đô thị, dân cư nông thôn gắn với sự phát triển của các khu cụm công nghiệp và khu kinh tế cửa khẩu.

2. Phát triển không gian đô thị

Phát triển mạng lưới đô thị phù hợp và dựa trên cơ sở phân bố lực lượng sản xuất, tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội. Các đô thị trên địa bàn tỉnh phải được phát triển và phân bố hợp lý, tạo ra sự cân đối giữa các vùng lãnh thổ trong tỉnh, đẩy nhanh quá trình phát triển của mỗi vùng lãnh thổ đó theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết hợp quá trình đẩy mạnh đô thị hóa nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Hệ thống đô thị của Tây Ninh sẽ bao gồm: các đô thị hạt nhân trung tâm toàn tỉnh (thị xã Tây Ninh, thị trấn huyện lỵ Hòa Thành, đô thị Trảng Bàng, thị trấn huyện lỵ Gò Dầu, thị trấn huyện lỵ Bến Cầu, thị trấn Xa Mát); các trung tâm huyện; các trung tâm cụm xã và các thị tứ cửa khẩu và công nghiệp.

V. ĐỊNH HƯỚNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. MỘT SỐ CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Huy động các nguồn vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư cho giai đoạn 2011 - 2020 khoảng 9 - 13 tỷ USD. Để huy động được nguồn lực vốn theo yêu cầu như trên cần có những biện pháp chính sách cụ thể nhằm tạo môi trường đầu tư thuận lợi và sử dụng hiệu quả hơn nữa nguồn vốn.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển kinh tế - xã hội tỉnh và đó cũng chính là chiến lược về con người. Để phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phải giải quyết đồng bộ mối quan hệ qua lại lẫn nhau trên cả 3 mặt chủ yếu sau: giáo dục đào tạo con người; sử dụng con người; tạo việc làm.

3. Giải pháp về khoa học - công nghệ và bảo vệ tài nguyên, môi trường

Chú trọng phát triển khoa học công nghệ cùng với các giải pháp về vốn đầu tư, về nguồn nhân lực tạo ra nhóm giải pháp cơ bản nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực vào thực hiện quy hoạch kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm tra môi trường; xây dựng Quy chế quản lý chất thải, quản lý ô nhiễm, tính đúng và đủ các chi phí về bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư mới, thực hiện luật bảo vệ môi trường; thực hiện tốt các chương trình trồng rừng, bảo vệ tài nguyên nước; nghiên cứu áp dụng các công nghệ xử lý rác công suất lớn hoặc bãi chôn lấp rác theo tiêu chuẩn quốc tế.

4. Các giải pháp điều hành kinh tế vĩ mô và thực hiện quy hoạch

- Thực hiện các giải pháp về điều hành vĩ mô với xây dựng đồng bộ các chính sách: chính sách thị trường, chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần...

Xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm giải quyết vấn đề xã hội như: nhà ở và việc làm cho người dân phải di dời lấy đất để thực hiện dự án, chương trình quan trọng; chính sách ưu đãi đối với người nghèo.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, ưu đãi áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng của tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tăng cường công tác điều hành và tổ chức thực hiện để đưa quy hoạch từng bước đi vào cuộc sống, với các nội dung: phổ biến và vận động nhân dân tham gia thực hiện Quy hoạch; cụ thể hóa các nội dung quy hoạch vào các chương trình nghị sự, chương trình làm việc của các cấp uỷ, chính quyền cơ sở; thường xuyên cập nhật các nội dung quy hoạch; cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong các quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã; trong các kế hoạch 5 năm, hàng năm.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Quy hoạch: sau khi phê duyệt, quy hoạch phải trở thành văn kiện có tính chất pháp lý làm cơ sở cho các hoạt động phát triển trên địa bàn Tỉnh; Đảng bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các đoàn thể và toàn thể nhân dân tiến hành tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 được phê duyệt là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác), các dự án đầu tư trên địa bàn của Tỉnh theo quy định.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh căn cứ những mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong Quy hoạch này, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực... để đảm bảo sự phát triển toàn diện và đồng bộ;

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh và pháp luật của Nhà nước trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch;

- Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn; các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung hoặc từng bước bố trí ưu tiên đầu tư hợp lý.

- Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch này kịp thời, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả nước trong từng giai đoạn quy hoạch.

Điều 4. Giao các Bộ, ngành Trung ương liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh nghiên cứu lập các quy hoạch cụ thể; nghiên cứu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nêu trong quy hoạch.

2. Nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan đã được dự kiến nêu trong quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt. Hỗ trợ tỉnh Tây Ninh trong việc bố trí và huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện quy hoạch.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2010 - 2020 TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2044/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)

A	**CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ**
1	Quốc lộ 22
2	Quốc lộ 14C
3	Quốc lộ 14
4	Đường Hồ Chí Minh
5	Tuyến đường cao tốc từ thành phố Hồ Chí Minh đi Mộc Bài
6	Tuyến đường sắt từ thành phố Hồ Chí Minh đi Mộc Bài
7	Dự án thủy lợi Phước Hòa
8	Dự án hiện đại hóa hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng
B	**CÁC DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**
1	Đường tỉnh 782 - 784
2	Đường tỉnh 786
3	Đường tỉnh 787
4	Đường tỉnh 794
5	Đường tỉnh 795
6	Đường tỉnh 799
7	Đường vành đai biên giới 791
8	Đường vành đai biên giới 792
9	Đường vành đai biên giới Châu Thành - Bến Cầu
10	Đường Hoàng Lê Kha nối dài
11	Đường lên căn cứ Trung ương Cục miền Nam Việt Nam
12	Các tuyến đường nâng cấp thị xã
13	Đê bao tuyến đường sông Vàm Cỏ Đông

14	Hệ thống thoát nước 8 thị trấn tỉnh Tây Ninh
15	Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục
16	Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế
17	Hạ tầng công nghệ thông tin
18	Xây dựng các khu dân cư biên giới
C	**DỰ ÁN CƠ SỞ HẠ TẦNG SẢN XUẤT KINH DOANH KÊU GỌI ĐẦU TƯ**
1	Hạ tầng các khu công nghiệp
2	Hạ tầng các cụm công nghiệp
3	Hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài
4	Hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát
5	Dự án đầu tư vào khu công nghiệp
6	Dự án đầu tư vào cụm công nghiệp
7	Dự án xây dựng chợ đầu mối (nông sản Bàu Năng - Dương Minh Châu; thủy hải sản Ao Hồ - Hòa Thành)
8	Dự án khu thương mại - dịch vụ
9	Dự án nhà máy sản xuất nhiên liệu Ethanol
10	Dự án nhà máy nhiệt điện
11	Dự án chế biến các sản phẩm sau đường
12	Dự án chế biến các sản phẩm sau bột mì
13	Dự án sản xuất các sản phẩm từ mủ cao su
14	Dự án nhà máy chế biến hoa quả xuất khẩu
15	Dự án chăn nuôi gia súc và chế biến thịt sữa
16	Dự án chế biến thức ăn gia súc
17	Dự án Khu di tích lịch sử cách mạng miền Nam tại Bời Lời
18	Dự án Khu di tích lịch sử Trung ương Cục miền Nam
19	Dự án phát triển du lịch sinh thái hồ Dầu Tiếng
20	Dự án khu du lịch sinh thái Ma Thiên Lãnh - núi Bà Đen

21	Dự án phát triển du lịch sinh thái vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát
22	Dự án khu chung cư cao tầng
23	Dự án khu dân cư - tái định cư
24	Dự án trường dạy nghề
25	Dự án bệnh viên tư
26	Dự án trường Đại học dân lập
27	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thị xã, thị trấn
28	Bãi thải và hệ thống xử lý chất thải rắn
29	Nhà máy xử lý chất thải rắn
30	Hệ thống cấp nước các huyện

* ***Ghi chú***: về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng giai đoạn./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng